

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2023/DS-PT.

Ngày: 05/4/2023.

V/v “Tranh chấp QSDĐ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp QSDĐ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Phú C, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1944; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1981;

2.2. Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1966;

2.3. Ông Lý Văn C1, sinh năm 1943;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Võ Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

3.2. Anh Võ Vũ L, sinh năm 1993;

3.3. Chị Nguyễn Thị Hoàng Y1, sinh năm 1990;

3.4. Cháu Võ Vũ T, sinh năm 2015;

Người đại diện hợp pháp cho cháu T là anh Võ Vũ L, sinh năm 1993 (cha của cháu T).

3.5. Bà Võ Thị O, sinh năm 1959;

3.6 Anh Võ Hữu P, sinh năm 2000;

3.7. Ông Nguyễn Bé T1, sinh năm 1975;

3.8. Anh Nguyễn Trọng P1, sinh năm 2002;

3.9. Cháu Nguyễn Trọng H, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp cho cháu H theo pháp luật là bà Võ Thị Y, sinh năm 1981 (mẹ của cháu H);

3.10. Ông Phan Văn N1 (tên gọi khác: Đ1), sinh năm 1978;

3.11. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1973;

3.12. Cháu Phan Thị Bảo H1, sinh năm 2013;

Người đại diện hợp pháp cho cháu H1 là ông Phan Văn N1, sinh năm 1978 (cha của cháu H1);

3.13. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1956;

3.14. Chị Phan Thị É, sinh năm 1980;

3.15. Chị Phan Thị Nhi B, sinh 2001;

3.16. Cháu Phan Thanh V, sinh năm 2004;

Người đại diện hợp pháp cho cháu V là chị Nguyễn Thị É1, sinh năm 1980 (mẹ của cháu V);

3.17. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1941;

3.18. Anh Võ Hùng D, sinh năm 1975;

3.19. Chị Võ Thị T2, sinh năm 1981;

3.20. Anh Võ Thành P3, sinh năm 1986;

3.21. Chị Đặng Thị Kim L2, sinh năm 1990;

3.22. Chị Võ Thị Út H2, sinh năm 1990;

3.23. Chị Võ Thị Mỹ H3, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.24. Chị Võ Thị H2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.25. Chị Võ Thị O, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.26. Chị Võ Thị L3, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.27. Chị Phan Thị T3, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

3.28. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là anh Võ Phú C là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Phú C trình bày:

Phần đất hiện nay ông đang sử dụng và đang tranh chấp với chị Y, bà Ú, ông C1 có nguồn gốc là của cha ông tên Võ Văn B1 (chết năm 1991) mua từ ông nội bà Y là ông Võ Văn S, mua năm nào thì ông không nhớ, không rõ diện tích bao nhiêu, mua với giá bao nhiêu. Vào năm 1995, sau khi cha ông chết thì đại diện Chùa H7, ở ấp L, xã L, không nhớ tên tuổi người đại diện C2, người này nói phần đất cha ông mua từ ông S là đất của nhà Chùa, nên nhà Chùa lấy lại, mẹ ông là bà Bùi Thị Á (chết năm 2009) mua đất lại từ nhà Chùa, không rõ mua diện tích bao nhiêu, không biết mua giá bao nhiêu tiền, có làm giấy tờ nhưng đã thất lạc mất, ông cũng không biết lúc mua có đo đạc hay cắm trụ ranh tứ cận hay không. Từ khi mua đất của nhà Chùa thì cha mẹ ông sử dụng đất để trồng lúa, cha ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm nào không nhớ, diện tích bao nhiêu ông không biết. Năm 1991, cha ông chết thì mẹ ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000, mẹ ông có kêu vợ chồng bà N (là chị ruột của ông) đào ao nuôi cá vì đất đã không trồng lúa được nữa, bà N sử dụng phần đất này nuôi cá đến năm 2015, thì mẹ ông lấy lại phần đất từ bà N và để lại thừa kế cho ông đất ao hồ diện tích 1.358m² và đất trồng lúa diện tích 1.121 m², đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Ông được đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/2016.

Khi cha ông mới sử dụng đất thì ông C1, bà Y, bà Ú giáp ranh chưa đào ao. Đến năm 1994, các bị đơn đào ao nuôi cá, ông C1 đào ao trước, kế đó là ông G1 (cha bà Y), sau đó tới ông Võ Văn N2 (đã chết, chồng bà Ú) đào ao, trong quá trình sử dụng thì ao của ông C1, bà Y, bà Ú sạt lở lấn qua đất ông như hiện nay. Ông biết đất ông bị lấn chiếm vì lúc trước phần đất của ông với ông C1, bà Y, bà Ú được ngăn cách bởi đường cộ, nhưng sau thời gian sử dụng thì bị lấn chiếm đường cộ và lấn qua đất ông. Ở địa phương có nhiều người lớn tuổi biết đất ông bị lấn chiếm như ông Võ Văn G2, không rõ năm sinh, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và nhiều người dân xung quanh nhưng không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ. Bà Y trình bày trên phần đất tranh chấp có mồ mã ông bà trong dòng họ bà Y là do trong thời gian Chùa H7 lấy lại đất lại cho chôn nhờ, chứ không phải gia đình bà Y cho chôn cất.

Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp tổng cộng là 2.479m², nhưng thực tế đo đạc phần đất của ông chỉ còn 2.269,8 m², phần đất của ông còn thiếu so với diện tích được cấp giấy nên ông yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Võ Thị Y trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm trả lại cho ông phần đất thửa số 6, chiều ngang cạnh giáp đất ông C 16,3m, chiều ngang cạnh giáp đất chị Y 16,2m, chiều dài cạnh giáp đất ông C1 6,3m, chiều dài cạnh giáp đất bà Ú 7,7 m, diện tích 113,6m² thuộc một phần thửa số 62, 106, 107, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

- Yêu cầu ông Lý Văn C1 trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm thửa 4, chiều ngang cạnh giáp đất ông C 16,9m, chiều ngang cạnh giáp đất ông C1 17,4m, chiều dài cạnh giáp đất ông H4 5,4m, chiều dài cạnh giáp đất bà Y 4,6 m, diện tích 86,2m² thuộc một phần thửa số 62, 152, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu bà Lê Thị Ú trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm thửa số 7, có chiều ngang cạnh giáp đất ông C 32,5m, chiều ngang cạnh giáp đất bà Ú 32,5m, chiều dài cạnh giáp đất bà G 4,7m, chiều dài cạnh giáp đất bà Ú 3,9 m, diện tích 140,8 m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H), tuy nhiên ông C đã rút lại yêu cầu này.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Bùi Văn Đ: Thống nhất với lời trình bày của ông C, không trình bày gì thêm.

Bị đơn Võ Thị Y trình bày: Hộ gia đình chị bao gồm: Chị, chồng chị là anh Nguyễn Bé T1, sinh năm 1975, các con tên Nguyễn Trọng P4, sinh năm 2002 và Nguyễn Trọng H, sinh năm 2005. Cha mẹ chị là ông Võ Văn G3 và bà Nguyễn Thị M (chết năm 2018), cha mẹ chị có 06 người con: 01/ Võ Thị Mỹ H3, sinh năm 1975, ấp L, xã L; 02/ Võ Thị L3, sinh năm 1977, địa chỉ: xã T, huyện T; 03/ Võ Thị Y, sinh năm 1981; 04/ Võ Thị O, sinh năm 1984, địa chỉ: T, Bình Dương; 05/ Võ Thị H2, sinh năm 1987, địa chỉ: T, Bình Dương; 06/ Võ Thị Út H2, sinh năm 1990, địa

chỉ: ấp L, xã L B. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông bà nội chị là ông Võ Văn S (đã chết) và bà Đào Thị B2 (đã chết) để lại cho cha chị. Từ trước năm 1975, ông bà nội chị có phần đất không biết diện tích cụ thể bao nhiêu, chỉ biết là bán cho cha ông C 02 công, phần còn lại từ ranh đất với cha ông C ngang 17m, dài ra tới lộ làng. Không nhớ ngày, tháng, năm, ông bà nội chị để lại phần đất cho cha chị sử dụng. Khi ông bà nội chị cho đất cha chị thì đất là đất trồng cây lâu năm và có một cái ao, đến năm 1990, cha chị đào thêm cái ao gần đất của ông C. Năm 1995, cha chị cõ cái ao gần đất ông C cho bà Võ Thị N (chị ruột ông C) để nuôi cá với giá 10 chỉ vàng 24 kra 9 tuổi 8. Đến năm 2012, cha chị để lại phần đất cho chị, nhưng vẫn còn cõ đất ao cho bà N, đến tháng 3/2019, chị trả cho bà N 10 chỉ vàng để chuộc lại phần đất ao cha chị đã cõ. Phần đất giáp ranh ông C cha chị có trồng hàng cây bạch đàn, me tây để làm ranh, trồng hơn 20 năm, phía trong hàng bạch đàn có mồ mã ông, bà trong dòng họ, ông bà nội chị cho chôn cất nhỡ khoảng 52 năm trước, lúc đó cha chị còn nhỏ, những ngôi mộ này người thân đã lấy cốt đến nơi khác hơn 20 năm nay, khoảng đất mồ mã hiện nay là đất trồng giáp với hàng cây bạch đàn làm ranh với đất ông C. Phần đất giáp ranh với ông C gia đình chị đã sử dụng ổn định, lâu dài có đào ao nuôi cá, có trồng cây làm ranh mấy chục năm nay, không ai tranh chấp. Lúc cha ông C còn sống không có tranh chấp gì với cha chị và chị, chỉ khi cha ông C chết, ông C cho rằng chị lấn chiếm đất của ông C là không hợp lý, vì gia đình chị đã sử dụng ổn định, lâu dài, có mồ mã của ông, bà cất trên phần đất giáp ranh, có trồng cây làm ranh. Việc gia đình chị sử dụng đất ổn định, có ranh đất rõ ràng từ trước đến nay có những người lớn tuổi trong xóm biết như ông C1, bà G, bà N là chị ông C biết. Nay ông Võ Phú C yêu cầu chị trả lại cho ông C phần đất chiều ngang cạnh giáp đất ông C 16,3m, chiều ngang cạnh giáp đất chị 16,2m, chiều dài cạnh giáp đất ông C1 6,3m, chiều dài cạnh giáp đất bà Ú 7,7 m, diện tích 113,6m² thuộc một phần thửa số 62, 106, 107, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H), chị không thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông C.

Bị đơn bà Lê Thị Ú trình bày: Bà là vợ của ông Võ Văn N2 (đã chết năm 2014), gia đình bà gồm có con bà là Võ Văn L4, con dâu là Nguyễn Thị Hoàng Y1,

cháu nội là Võ Vũ T. Phần đất tranh chấp với ông Võ Phú C là cha mẹ chồng để lại cho chồng bà, chồng bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà có chồng về nhà chồng sống thì phần đất đã có hiện trạng như hiện nay, có trụ đá làm ranh đất rõ ràng, không có tranh chấp với ai. Cha ông C lúc còn sống cũng không có tranh chấp gì với gia đình bà. Phần đất giáp ranh với ông C, gia đình chồng bà đã đào ao trước khi bà về nhà chồng vào khoảng 1980, không có ai ra ngăn hay tranh chấp. Nay ông C cho rằng bà lấn ranh và yêu cầu bà trả lại phần đất thửa số 7, có chiều ngang cạnh giáp đất ông C 32,5m, chiều ngang cạnh giáp đất bà Ú 32,5m, chiều dài cạnh giáp đất bà G 4,7m, chiều dài cạnh giáp đất bà Ú 3,9m, diện tích 140,8 m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H). Bà không thống nhất yêu cầu của ông C vì gia đình bà không có lấn ranh và hiện nay bà đã bán phần đất này cho ông C rồi.

Bị đơn Lý Văn C1 trình bày: Phần đất đang tranh chấp với ông C, nguồn gốc đất là khoảng 30-40 năm trước, cha của ông tên Lý Văn X (đã chết) và mẹ là Hồ Thị K (đã chết) để lại diện tích bao nhiêu không nhớ, tứ cận giáp bà Võ Thị Y, Hồ Thái H5, giáp ông Võ Văn B1 (cha ông C), giáp lộ làng. Khi cha ông cho ông phần đất thì đã đào ao, còn ranh đất với đất ông B1 là bờ ruộng. Cách đây khoảng 20 năm, khi ông B1 già yếu thì có thấy bà Võ Thị N (chị của ông C) sử dụng phần đất của ông B1 đào ao nuôi cá, bà N có trồng hàng gòn trên bờ ruộng để làm ranh đất với ông, hai bên thống nhất lấy hàng gòn làm ranh đất, hiện nay hàng gòn vẫn còn. Ông C cho rằng ông lấn ranh đất là không đúng, phần đất đã có ranh đất rõ ràng từ xưa đến nay, không ai lấn ai, không ai tranh chấp. Nay ông C yêu cầu ông trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm thửa 4, chiều ngang cạnh giáp đất ông C 16,9m, chiều ngang cạnh giáp đất ông C1 17,4m, chiều dài cạnh giáp đất ông H5 5,4m, chiều dài cạnh giáp đất bà Y 4,6 m, diện tích 86,2m² thuộc một phần thửa số 62, 152, tờ bản đồ số 10 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H), ông không thống nhất với yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L1 trình bày: Bà là vợ ông Phan Văn N1 (tên gọi khác là Đ1), hộ gia đình bà gồm có bà, chồng bà là Phan Văn

N1, con là Phan Thị Bảo N3. Vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn, bị đơn. Gia đình bà có cất nhà ở nhờ trên phần đất tranh chấp giữa ông C với bà Ú. Nếu kết quả giải quyết của Tòa án phần đất thuộc về ai và có yêu cầu gia đình bà di dời thì gia đình bà sẽ di dời nhà, nếu cho bà tiếp tục ở nhờ thì bà tiếp tục ở. Bà không yêu cầu gì khác, không yêu cầu Tòa án định giá căn nhà, không tranh chấp gì với nguyên đơn, bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P2 trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn T4 (Chết năm 2017). Bà có phần đất giáp ranh với đất bà Võ Thị Y, đất của bà và bà Y có cắm trụ làm ranh đất, bà không có tranh chấp gì với bà Y. Phần đất của bà đang sử dụng có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa bà không biết vì từ trước đến nay giấy tờ đều do ông T4 quản lý, nhưng ông T4 đã chết. Đối với phần đất bà Y đang sử dụng thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số... theo Công văn số 1302 ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định thửa 106, tờ bản đồ số... đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn T4, bà không biết việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không tranh chấp gì với bà Y về việc cấp giấy này, tùy Tòa án giải quyết điều chỉnh cho đúng theo quy định pháp luật, đúng với hiện trạng thực tế sử dụng. Đối với phần đất giáp ranh với ông C1 bà cũng không tranh chấp gì với ông C1, giữa bà và ông C1 đã xác định ranh rõ ràng. Nay ông C khởi kiện tranh chấp với ông C1, bà Ú, bà Y, bà không có tranh chấp gì với nguyên đơn, bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà là vợ ông Võ Văn H6 (ông H6 chết năm 2013). Bà không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn, bị đơn. Bà là thêm dâu của ông C, ông H6 chồng bà là thứ năm, cha ông C thứ hai. Bà có phần đất giáp ranh với ông C, bà Ú, các bên đã cắm trụ làm ranh đất rõ ràng, bà không có tranh chấp gì với bà Ú, ông C, bà Y. Một phần đất mà bà Ú đang sử dụng thuộc một phần thửa 108, tờ bản đồ số 10 Theo Công văn số 1302 ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H xác định thửa 108 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn H6 thì bà không biết việc cấp giấy này, bà không tranh chấp gì với bà Ú về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đúng với hiện trạng thực tế sử

dụng. Còn phần đất của bà giáp ranh với ông C1 thì bà cũng không có tranh chấp gì với ông C1, giữa bà và ông C1 đã xác định ranh. Nay ông C khởi kiện ông C1, bà Ú, bà Y, bà không có tranh chấp gì với nguyên đơn, bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N trình bày: Bà là chị ruột của ông Võ Phú C. Nguồn gốc đất ông C quản lý, sử dụng là của cha bà cho ông C. Các anh chị em trong gia đình thống nhất cho ông C quản lý, sử dụng, ông C cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn nguồn gốc đất từ đâu cha bà có thì bà không biết, cha bà cho ông C đất có chiều ngang, chiều dài bao nhiêu bà cũng không biết. Phần đất hiện nay ông C đang sử dụng trước đây cha mẹ bà trồng lúa, sau đó để cho bà sử dụng đào ao nuôi cá, khoảng 7-8 năm trước bà giao lại cho ông C. Bà không biết diện tích đất cha mẹ để lại là bao nhiêu nhưng bà biết ranh đất là qua luôn phần đất bà Y, bà Ú, ông C1. Khi bà đào ao thì ông C1 chưa đào ao, còn ao của bà Y, bà Ú thì nhỏ chưa mở rộng như hiện nay. Lúc trước ở giữa phần đất của cha bà với bà Y, bà Ú, ông C1 có ngăn cách bởi đường cộ dùng để đi chung, khi bà đào ao vẫn còn đường cộ, đến khi ông C1 đào ao, bà Y, bà Ú mở rộng ao thì lấn chiếm đường cộ, rồi lấn qua đất cha bà, còn lấn qua diện tích bao nhiêu thì bà không biết, khi bị lấn ranh thì bà trồng hàng gòn để ngăn chặn không cho ông C1 lấn ranh nữa chứ không phải hàng gòn làm ranh đất, ranh đất là qua hàng gòn, qua bao nhiêu bà không biết. Lúc trước ranh đất của cha bà và ông N2 chồng bà Ú có hàng tre nhưng ông N2 lấn ranh đốn tre nên hàng tre không còn. Khi bà nuôi cá thì ông C1, bà Y, bà Ú lấn ranh qua đất bà đang sử dụng, bà có nói nhưng sau đó không có ý kiến gì nữa vì đang nuôi cá sợ bị thuốc cá. Bà không biết cha mẹ bà đi kê khai quyền sử dụng đất khi nào, cũng không biết khi cấp giấy có đo đạc thực tế hay không, bà không biết diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là bao nhiêu. Bà chỉ biết mẹ bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cha mẹ bà chết thì ông C được nhận thừa kế quyền sử dụng đất. Ông C đối chiếu diện tích đất thực tế sử dụng và diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất thực tế ít hơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông C kiện bà Y, bà Ú, ông C1. Cha mẹ bà có 04 người con là Võ Văn C3, Võ Thị N, Võ Thị N4, Võ Phú C. Các anh chị em bà đã thống nhất giao cho ông C được quản lý sử dụng phần đất

cha mẹ để lại, không yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất cha mẹ để lại. Đối với hàng gòn bà trồng để ngăn không cho ông C1 lấn ranh thì bà thống nhất giao cho ông C quản lý, không tranh chấp hay yêu cầu gì, không yêu cầu Tòa án định giá.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu ông Lý Văn C1 trả lại cho ông phần đất diện tích 86,2m², trong đó 43,6m² thuộc một phần thửa 152 (NTS), 42,6m² thuộc một phần thửa 62 (LUC), cùng tờ bản đồ số 10, theo phạm vi các mốc M4 - M17 - M16 - M6 - M4; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu bà Võ Thị Y trả lại cho ông phần đất diện tích 113,6m², trong đó 26,9m² thuộc một phần thửa 106 (CLN), 34,6m² thuộc một phần thửa 107 (NTS), 52,1m² thuộc một phần thửa 62 (LUC), cùng tờ bản đồ số 10, theo phạm vi các mốc M5 - M6 - M16 - M15 - M8 - M7 - M5; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 62 với các thửa 152, 106, 107, cùng tờ bản đồ số 10 là các đoạn thẳng theo các mốc M4 - M6 - M5 - M7; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật. Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký diện tích đất đối với phần đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu bà Lê Thị Ú trả lại cho ông phần đất diện tích 140,8m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Phú C phải chịu 613.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 723.000 đồng theo biên lai thu tiền số BH/2018/0000754 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, ông Võ Phú C được nhận lại 110.000 đồng.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Võ Phú C phải chịu 5.125.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong không phải nộp thêm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2022, ông Võ Phú C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và yêu cầu xem xét lại việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu bà Ú trả lại diện tích đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Ông Võ Phú C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đối với bà Võ Thị Y và ông Lý Văn C1; rút kháng cáo đối với nội dung đình chỉ yêu cầu đối với bà Lê Thị Út .

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Võ Phú C là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa, ông Võ Phú C xin rút kháng cáo đối với nội dung quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông đối với bà Lê Thị Út . Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút kháng cáo của ông C là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này của ông C.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Phú C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất ông C đang quản lý sử dụng là của ông nội bà Y. Vào trước năm 1975, thì cha ông C mua đất lại từ ông nội bà Y. Sau năm 1975, thì Chùa Hòa L5 cho rằng đất này là của Chùa H7 nên cha ông C trả thành quả lao động cho Chùa H7. Lúc trước giữa phần đất ông C và bà Ú, bà Y, ông C1 được ngăn bởi đường cộ ngang 04m chạy dài từ đất ông C1 đến đất ông Võ Văn N2 (chồng bà Ú). Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bên đều xác định đường cộ có khoảng trước năm 1975 và dùng vào việc đi lại, vận chuyển chung của tất cả người dân ở đây, nếu bà Y, bà Ú, ông C1 đào ao lấn qua đường cộ thì cũng lấn vào lối đi chung. Khi đi kê khai quyền sử dụng đất thì mẹ ông C kê khai luôn phần đường cộ nhưng đường cộ đã không còn và mẹ của ông C cũng không quản lý sử dụng phần diện tích đất này. Cho nên, phần đất mà các bên sử dụng là ổn định, lâu dài từ trước đến nay, không tranh chấp và có các cây trồng làm ranh đất. Cha mẹ của ông C khi còn sống sử dụng đất cũng không có tranh chấp với các bị đơn, chỉ khi ông C được nhận thừa kế từ cha mẹ ông mới phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, phần đất ông C yêu cầu gồm các thửa đất số 62, 152, 106, 108, 109 tờ bản đồ số 10, thì tuy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thể hiện việc kiểm tra, đo đạc hiện trạng sử dụng đất mà ông C chỉ căn cứ vào diện tích thực tế sử dụng chỉ còn 2.269,8 m² là ít hơn so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp (tổng cộng là 2.479m²) nên cho rằng các bị đơn lấn ranh. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Phú C lại mua lại của bị đơn bà Lê Thị Út p diện tích mà ông cho rằng bị lấn chiếm. Từ đó có thể nhận thấy, việc ông C cho rằng phần đất của mình bị lấn chiếm là không có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ.

Đối với đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Phú C, thì do yêu cầu về việc trả đất của ông C không được chấp nhận, mà chỉ cần xác định lại ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông C với bà Y và ông C1 thì các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký diện tích đất đối với phần đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật theo quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông Võ Phú C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Phú C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện Hồng Ngự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Võ Phú C về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C yêu cầu bà Lê Thị Ú trả lại cho ông phần đất diện tích 140,8m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Võ Phú C về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C yêu cầu bà Lê Thị Ú trả lại cho ông phần đất diện tích 140,8m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Phú C.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu ông Lý Văn C1 trả lại cho ông phần đất diện tích 86,2m², trong đó 43,6m² thuộc một phần thửa 152 (NTS), 42,6m² thuộc một phần thửa 62 (LUC), cùng tờ bản đồ số 10, theo phạm vi các mốc M4 - M17 - M16 - M6 - M4; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu bà Võ Thị Y trả lại cho ông phần đất diện tích 113,6m², trong đó 26,9m² thuộc một phần thửa 106 (CLN), 34,6m² thuộc một phần thửa 107 (NTS), 52,1m² thuộc một phần thửa 62 (LUC), cùng tờ bản đồ số 10, theo phạm vi các mốc M5 - M6 - M16 - M15 - M8 - M7 - M5; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 62 với các thửa 152, 106, 107, cùng tờ bản đồ số 10 là các đoạn thẳng theo các mốc M4 - M6 - M5 - M7; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật. Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và

Mã trích đo địa chính số 03/2019 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký diện tích đất đối với phần đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phú C về việc yêu cầu bà Lê Thị Ú trả lại cho ông phần đất diện tích 140,8m² thuộc một phần thửa số 108, 109, tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Phú C phải chịu 613.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 723.000 đồng theo biên lai thu tiền số BH/2018/0000754 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, ông Võ Phú C được nhận lại 110.000 đồng.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Võ Phú C phải chịu 5.125.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong không phải nộp thêm.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Phú C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004057 ngày 19/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy